TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 11 - 2023
V/v Tranh chấp HNGĐ- Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC- TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Văn Trọng**, Bí thư Đoàn TNCSHCM xã Mỹ Hòa.

2. Ông **Bùi Thanh Xuân**, Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Thành Công**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 95/2023/TLST- HNGĐ ngày 03/10/2023 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HN&GĐ, ngày 31/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:14/2023/QĐST-DS ngày 15/11/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Th**, sinh năm 1987.

2. Bị đơn : Anh **Bùi Văn Qu**, sinh năm 1984.

Cùng ĐKNKTT: Xóm C, xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam: Người đại diện: Ông **Dương Quyết Thắng**, Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo ủy quyền lại: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng**, Phó Giám đốc.

Địa chỉ: Khu Mường Đầm, thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được nộp tiền tạm ứng án phí ngày 03/10/2023, bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày: Chị và anh Bùi Văn Qu, sau quá trình tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn và về chung sống với nhau, hai gia đình không tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương do gia đình hoàn cảnh nhưng có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tháng 12/2005. Sau kết hôn vợ chồng sống chung trên nhà đất của gia đình nhà chồng tại xóm C, xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Qu không chịu tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình, vợ con lại còn thường xuyên rượu chè say sỉn, bê tha không những thế còn ghen tuông vô cớ và đe dọa chửi bới đánh đập vợ con. Chị đã cố gắng tìm cách khuyên giải và nhờ người khuyên giải để anh Qu sửa đổi mà chăm chỉ làm ăn, chăm lo cho gia đình vợ con. Tuy nhiên anh Qu vẫn chứng nào tật ấy. Không thể chịu đựng được năm 2015, chị đã bỏ về nhà ngoại cũng tại xóm C, Ng sinh sống hy vọng anh Qu thay đổi nhưng anh Qu còn không quan tâm đến mẹ con chị. Thương con, chị lại quay về chăm lo cho các con nhưng vay vốn chăn nuôi trâu bò, mua máy kéo để tròng trọt thì anh Qu lại tự ý lấy bán lấy tiền ăn tiêu; vay tiếp để trồng keo thì phần keo chưa được thu hoạch đã bị anh Qu bán non lấy tiền chi tiêu hết. Không thể chịu đựng hơn và thấy cuộc sống không có tương lai; tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị Th gửi đơn yêu cầu xin được ly hôn anh Qu để giải phóng cho nhau. Về con chung: Vợ chồng có 03 con là: Bùi Thị T, sinh ngày 30/5/2006, Bùi Thị Th, sinh ngày 05/02/2009 và Bùi Thành Đ, sinh ngày 18/11/2014. Hiện cháu T đã bỏ học theo mẹ đi làm thuê; Cháu Th và cháu Đ đang ở nhà với bà nội và được bà chăm sóc. Khi ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng giáo dục hai cháu gái là cháu T và cháu Th; Chị để cho anh Qu nuôi cháu Thành Đ và chị chưa yêu cầu anh Qu đóng góp nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị xác định có nhà do địa phương hỗ trợ 40.000.000đ cùng số tiền vay làm trên đất của anh chị anh Qu cho; một số vật dụng gia đình chị để lại toàn bộ cho anh Qu sử dụng mà không lấy cũng như không yêu cầu gì; Công nợ chung: Chị xác định có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội phòng giao dịch Tân Lạc số tiền nợ 40.000.000đ. Khi ly hôn chị để cho anh Qu sử dụng nhà đất, vật dụng sinh hoạt và có trách nhiệm trả 1/2 nợ gốc = 20.000.000đ và lãi cho ngân hàng khi đến hạn; chị sẽ có trách nhiệm trả 1/2 nợ gốc = 20.000.000đ và lãi cho ngân hàng. Về án phí: Nguyên đơn xin tự nguyện chịu toàn bộ.

Vì phía bị đơn anh Bùi Văn Qu đã được thông báo việc thụ lý giải quyết vụ án; thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa Giải; Tòa cũng đã triệu tập ra tòa làm việc; Gia đình anh Qu và Tòa cũng đã gọi điện báo. Anh Qu có biết và hứa về tòa để thể hiện quan điểm và giải quyết nhưng không đến làm việc - không hợp tác. Để giải quyết vụ án, chị Th đã có đơn đề nghị không cần mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải nữa. Chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và anh Bùi Văn Qu cố tình trốn tránh nên Tòa đã tiến hành tống đạt giấy báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày xét xử lần thứ nhất, anh Bùi Văn Qu vẫn không có mặt và không có lý do. Phiên tòa lần thứ nhất phải hoãn theo quy định của Pháp luật.

Đến phiên tòa lần thứ hai. Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc cũng đã tiến hành tống đạt giấy báo cũng như quyết định hoãn phiên tòa đồng thời ấn định ngày xử tiếp theo và tống đạt cho anh Bùi Văn Qu theo pháp luật: Tuy nhiên, đến ngày xét xử, anh Bùi Văn Qu vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy: Anh Bùi Văn Quđã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bản thân.

Nguyên đơn, chị Bùi Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm và có đơn xin xét xử vắng mặt. Lý do, chị phải đi làm để có kinh tế lo cho con ăn học và trả nợ ngân hàng. Vì mới đi làm chị không thể về dự phiên tòa được

Đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng Chính sách xã hội phòng giao dịch Tân Lạc xác định hộ anh Bùi Văn Qu và chị Bùi Thị Th là khách hàng thường xuyên của ngân hàng và có nhiều lần ký kết hợp đồng vay rồi lại trả theo đúng kỳ hạn của ngân hàng; Dư nợ hiện tại của hộ anh Bùi Văn Qu và chị Bùi Thị Th là 40.000.000đ, sổ vay đứng tên chị Bùi Thị Th. Nay, vợ chồng ly hôn thì tại bản tự khai đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng yêu cầu: Chị Th là người đứng tên sổ vay; là người địa phương được nhận tài sản chung của cả hai vợ chồng nên phải chịu toàn bộ trách nhiệm cả gốc và lãi cho khoản vay. Tuy nhiên: Chị Th không nhận bất cứ tài sản chung nào của vợ chồng mà để lại toàn bộ cho anh Qu quản lý và sử dụng; Lẽ ra anh Qu phải có trách nhiệm toàn bộ với khoản vay này nhưng chị Th tự nguyện trả 1/2 tức 20 triệu thì ngân hàng sẽ ghi nhận và đề nghị Tòa Buộc anh Qu phải có trách nhiệm trả toàn bộ gốc và lãi còn lại cho Ngân hàng. Tuy nhiên Ngân hàng đề nghị Tòa có biện pháp để chị Th thanh toán khoản cam kết này trước khi có quyết định ly hôn.

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền lại của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đưa ra quan điểm: Quá trình giải quyết: Thẩm phán, hội đồng xét xử và Thư ký đã thục hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền lại của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng các thủ tục theo quy định.

Xét thấy: Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Th phù hợp với tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Việc kết hôn của chị Th và anh Qu là tự nguyện và hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và đã ở mức độ trầm trọng nên đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Bùi Văn Qu. Về con chung: Vợ chồng có 03 con là: Bùi Thị T, sinh ngày 30/5/2006, Bùi Thị Th, sinh

ngày 05/02/2009 và Bùi Thành Đ, sinh ngày 18/11/2014. Hiện cháu T đã bỏ học theo mẹ đi làm thuê; Cháu Th và cháu Đ đang ở nhà với bà nội và được bà chăm sóc. Khi ly hôn, chị Th xin được nuôi dưỡng giáo dục hai cháu gái là cháu T và cháu Th; anh Qu nuôi cháu Thành Đ và chị chưa yêu cầu anh Qu đóng góp nuôi con chung. Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật. Về tài sản chung: Chị xác định có nhà đất, vật dụng sinh hoạt tại xóm C, xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.nhưng lại có khoản công nợ chung: Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội phòng giao dịch Tân Lạc số tiền nợ 40.000.000đ. Khi ly hôn chị để anh Bùi Văn Qu sử dụng nhà đất, vật dụng sinh hoạt và có trách nhiệm trả 1/2 nợ gốc = 20.000.000đ và lãi cho ngân hàng khi đến hạn; chị sẽ có trách nhiệm trả 1/2 nợ gốc = 20.000.000đ và lãi cho ngân hàng. Đây là phần thỏa thuận theo đúng quy định của pháp luật nên việc Ngân hàng yêu cầu chị Th là người lấy tài sản vợ chồng và có trách nhiệm thanh toán toàn bộ là không phù hợp. Chị Th đã tự nguyện không lấy tài sản mà để lại cho anh Qu sở hữu và anh Bùi Văn Qu chịu trách nhiệm thanh toán 1/2 nợ gốc và lãi của hợp đồng khi đến hạn. Đây là trách nhiệm chung của cả anh Bùi Văn Qu và chị Nguyễn Thị Th. Phần chị Th đã tự nguyện chịu 1/2 thì đây là sự tự nguyện của chị, cần được ghi nhận và buộc anh Qu có trách nhiệm với phần còn lại là có căn cứ.

Về trách nhiệm nộp án phí: Chị Bùi Thị Th cũng xin tự nguyện chịu: Cần áp dụng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: - Quan hệ pháp luật tòa án giải quyết là tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn là là chị Bùi Thị Th và bị đơn anh Bùi Văn Qu cùng trú tại xóm C, xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. nên chị Th khởi kiện vụ án, Tòa xác định chị là nguyên đơn. Anh Qu là người bị khởi kiện là bị đơn là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn Qu chung sống và kết hôn với nhau tháng 12/2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn chủ yếu do anh Qu thiếu trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng xung đột khiến cuộc sống gia đình bức bách, nặng nề. Chị Th đã bỏ về nhà ngoại nhưng thương các con chị lại quay về chăm lo cho chúng nhưng anh Qu vẫn không hề quan tâm đến chị và các con. Chị cũng bỏ mặc anh, cả hai đều không quan tâm nhau; Vợ chồng ly thân từ lâu.

Xét hôn nhân giữa chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn Qu từ sau khi kết hôn được một thời gian ngắn vợ chồng đã thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất hòa không thể hòa hợp, anh Bùi Văn Qu không có giải pháp gì để chị Th tin tưởng mà yên tâm chung sống để có một gia đình hạnh phúc, cả hai đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Bùi Văn Qu là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Vợ chồng có 03 con là: Bùi Thị T, sinh ngày 30/5/2006, Bùi Thị Th, sinh ngày 05/02/2009 và Bùi Thành Đ, sinh ngày 18/11/2014. Hiện cháu T đã bỏ học theo mẹ đi làm thuê; Cháu Th và cháu Đ đang ở nhà với bà nội và được bà chăm sóc. Khi ly hôn, theo nguyện vọng của các cháu: thấy cháu T và cháu Th là con gái, cần được sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nên giao cháu Bùi Thị T và Bùi Thị Th cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; Giao cho anh Qu nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thành Đ và chấp nhận sự tự nguyện của chị Th chưa yêu cầu anh Qu đóng góp nuôi con chung. Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo thep pháp luật.

[4]Về tài sản chung: Chị xác định chỉ có nhà đất, vật dụng sinh hoạt tại xóm C, xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.nhưng lại có khoản công nợ chung: Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội phòng giao dịch Tân Lạc số tiền 40.000.000đ. Khi ly hôn chị để anh Bùi Văn Qu sử dụng nhà đất, vật dụng sinh hoạt và có trách nhiệm trả 1/2 nợ gốc = 20.000.000đ và lãi cho ngân hàng khi đến hạn; chị sẽ có trách nhiệm trả 1/2 nợ gốc = 20.000.000đ cho ngân hàng. Đây là phần thỏa thuận theo đúng quy định của pháp luật nên việc Ngân hàng yêu cầu chị Th là người nhận tài sản của vợ chồng và có trách nhiệm thanh toán toàn bộ gốc và lãi là không phù hợp. Chị Th đã tự nguyện không lấy tài sản mà để lại cho anh Qu sở hữu và anh Bùi Văn Qu chịu trách nhiệm thanh toán 1/2 gốc và lãi của hợp đồng khi đến hạn. Đây là sự tự nguyện của đương sự và không trái quy định của pháp luật, cần ghi nhận là phù hợp.

[5]Về án phí: Chị Bùi Thị Th xin tự nguyện chịu: Sự tự nguyện này phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án nên chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 58, 59, 60 Điều 81,82,83 Luật h`ôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] -Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Th được ly hôn với anh Bùi Văn Qu.

[2]- Về con chung : Vợ chồng có 03 con là: Bùi Thị T, sinh ngày 30/5/2006, Bùi Thị Th, sinh ngày 05/02/2009 và Bùi Thành Đ, sinh ngày 18/11/2014. Khi ly hôn, Giao cháu Bùi Thị T và Bùi Thị Th cho chị Bùi Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; Giao cho anh Bùi Văn Qu nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thành Đ và chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị Th chưa yêu cầu anh Bùi Văn Qu đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo thep pháp luật.

[3]Về tài sản chung, công nợ chung: Xác nhận chị Bùi Thị Th không lấy tài sản chung. Giao cho anh Bùi Văn Qu sở hữu sử dụng nhà đất, vật dụng sinh hoạt tại xóm C, xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình và có trách nhiệm trả 1/2 nợ gốc = 20.000.000đ và lãi cho ngân hàng khi đến hạn; chị Bùi Thị Th có trách nhiệm trả 1/2 nợ gốc = 20.000.000đ cho ngân hàng.

[4]- Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Lạc theo biên lai số: 0002869 ngày 03/10/2023, nay không phải nộp thêm.

[5]- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày bản án được niêm yết hoặc nhận được thông báo kết quả xét xử.

Án xử sơ thẩm công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSNDtỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- THA huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Ng-Tân Lạc;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Đình Dũng